TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU K** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/ DS-ST
Ngày: 21 - 11 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản**.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU K, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Thành Tiết
2. Ông Thạch Qương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lâm Thị Hòa Xuân là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Thạch Săm Át - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 658/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Bà Trương Thị N, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ Văn, xã Ninh Thới, huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh

-*Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ Văn, xã Ninh Thới, huyện Cầu K, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, bà Trương Thị N là nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2016 (Âm lịch) bà Trương Thị N có cho bà Nguyễn Thị Đ vay số tiền 30.000.000 đồng, bà Đ hứa 01 tháng sẽ trả lại tiền, hai bên thỏa thuận không tính lãi. Khi bà N cho bà Đ vay tiền không có viết biên nhận và không có người chứng kiến. Từ khi vay tiền đến nay bà Đ chưa trả vốn, nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền 30.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra bà N không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

***Bà Nguyễn Thị Đ là bị đơn trình bày*:** Bà Đ với bà N là người cùng địa phương, bà N có bán vé số kiến thiết cho bà Đ nhiều lần nên hai bên quen biết nhau. Tuy nhiên từ trước đến nay bà Đầm không có vay mượn tiền của bà Trương Thị N nên việc bà N khởi kiện yêu cầu bà Đ trả số tiền 30.000.000 đồng thì bà Đ không đồng ý.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70,71,72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị N số tiền 30.000.000đồng.

Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự cho bà Trương Thị N do bà N là con Liệt sỹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị N khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ để yêu cầu trả nợ vay. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Tại phiên tòa bà Trương Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền 30.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Đ khai từ trước đến nay không có vay tiền của bà Trương Thị N nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng bà Năm khai cho bà Đ vay tiền nhưng không có làm văn bản và không có người chứng kiến, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu bà N cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình nhưng bà N không cung cấp được. Mặt khác, bà N có lời khai khi bà N đi đòi tiền bà Đ thì có bà Huỳnh Thị Y và bà Nguyễn Thị M là người cùng ấp Mỹ Văn, xã Ninh Thới biết, tuy nhiên qua làm việc thì bà M, bà Y đều khẳng định không biết việc bà N cho bà Đ vay tiền như thế nào và cũng không biết bà N gặp bà Đ để đòi tiền gì.

Từ những phân tích trên xét thấy do bà N không cung cấp chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N được.

[4] Về án phí: Do bà Trương Thị N là con ruột của liệt sĩ và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ nên Tòa án căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trương Thị N.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những cơ sở trên xét thấy quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cầu K về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 91, 147, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị N số tiền 30.000.000 đồng.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trương Thị N.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Cầu K;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện Cầu K;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tùng